

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ QUAO
TỈNH KIÊN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 07/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 20-02-2020

“V/v kiện ly hôn và
yêu cầu nuôi con chung”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ QUAO, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Danh Thị Kiều Oanh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thành Thật

Bà Vũ Thị Đào

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nghĩa – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao tham gia phiên tòa: Ông Cao Thế Lĩnh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 02 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 259/2019/TLST-HNGĐ, ngày 24 tháng 9 năm 2019 về việc “Kiện ly hôn và yêu cầu nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 16 tháng 01 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị Huyền Tr, sinh năm 1992 (có mặt)

Địa chỉ: ấp 4, xã V, huyện G, tỉnh K.

Bị đơn: Anh Phạm Văn T – sinh năm 1989 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp 4, xã V, huyện G, tỉnh K.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai đề ngày 29/7/2019 và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Lê Thị Huyền Tr trình bày:

Vào năm 2009 chị kết hôn cùng với anh Phạm Văn T, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và vợ chồng có đăng ký kết hôn trễ hạn tại UBND xã V, huyện G, tỉnh K ngày 10/5/2012 theo giấy chứng nhận kết hôn số 68 quyển sổ 01/2012.

Sau khi cưới, thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc, khoảng 07 tháng sau thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do vợ chồng bất đồng trong quan điểm sống, chồng chị thường xuyên uống rượu say rồi ghen tuông vô cớ lại còn nhiều lần đánh chị nhưng chị đều tha thứ để vợ chồng hàn gắn. Thời gian mâu thuẫn kéo dài nhiều năm làm cho hôn nhân không hạnh phúc nên vợ chồng đã tự ly thân từ tháng 2/2019 đến nay. Nay, chị xét thấy vợ chồng chung sống không có hạnh phúc nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Quá trình chung sống vợ chồng chị có hai con chung tên: Phạm Hồng Đ, sinh ngày 21/01/2010 và Phạm Gia L, sinh ngày 01/11/2011. Hiện nay hai con đang sống cùng với chị.

Tài sản chung và nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa, chị Lê Thị Huyền Tr yêu cầu được ly hôn với anh Phạm Văn T; về con chung chị yêu cầu được nuôi hết hai con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng; về tài sản chung, nợ chung không có nên chị Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Phạm Văn T không có mặt tại phiên tòa: Qua quá trình tiến hành tố tụng kể từ ngày thụ lý cho đến nay anh T không có mặt tại địa phương, qua thẩm tra xác minh cũng không rõ anh T đi đâu và làm gì. Tòa án đã tiến hành thủ tục niêm yết và thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng theo quy định tại Điều 179, 180 Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng anh T vẫn không có mặt nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến của anh T.

Đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Tòa án xác định quan hệ pháp luật “Kiện ly hôn và yêu cầu nuôi con chung” là đúng quy định và thuộc thẩm quyền giải quyết. Từ khi thụ lý đến khi xét xử, Thẩm phán đã thực hiện các bước tiến hành tố tụng đúng theo quy định, tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Riêng đối với bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của chị Tr tại phiên tòa, đối chiếu với các quy định của pháp luật đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 56, Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014: Chấp nhận cho chị Lê Thị Huyền Tr được ly hôn với anh Phạm Văn T. Về con chung: Giao con chung tên Phạm Hồng Đ, sinh ngày 21/01/2010 và Phạm Gia L, sinh ngày 01/11/2011 cho chị Tr trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; chị Tr không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: chị Tr không yêu cầu nên miễn xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Quá trình chung sống do phát sinh mâu thuẫn không giải quyết được với nhau nên chị Lê Thị Huyền Tr khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Phạm Văn T được Tòa án thụ lý, giải quyết theo thẩm quyền được quy định tại Điều 28 và Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Anh Phạm Văn T với tư cách là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do nên căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án vẫn được xét xử theo quy định.

[2] Về hôn nhân: Chị Lê Thị Huyền Tr và anh Phạm Văn T xác lập quan hệ hôn nhân với nhau vào năm 2009, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức đám cưới và

có đăng ký kết hôn trễ hạn tại xã V, huyện G, tỉnh K theo Giấy chứng nhận kết hôn số 68/2012, ngày 10/5/2012, theo quy định tại Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

Xét yêu cầu của chị Lê Thị Huyền Tr xin ly hôn với anh Phạm Văn T vì lý do vợ chồng chị thường xuyên bất đồng trong quan điểm sống, anh T lại hay uống rượu say rồi ghen tuông vô cớ và còn nhiều lần đánh chị, mặc dù đã nhiều lần chị cho chồng cơ hội sửa đổi nhưng vô ích. Đối với anh Phạm Văn T, Tòa án đã nhiều lần tổng đạt và thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng trong đó có 02 lần tổng đạt Thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để tiến hành mở phiên họp vào ngày 30/12/2019 và ngày 15/01/2020 nhằm tạo điều kiện cho vợ chồng anh chị hòa giải, đoàn tụ với nhau nhưng anh T đều không có mặt nên Tòa án không tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải được.

Tại phiên tòa, chị Tr tỏ rõ thái độ cương quyết ly hôn và cho rằng hôn nhân của anh chị không hạnh phúc, gia đình hai bên cũng đã nhiều lần động viên để vợ chồng anh chị hàn gắn với nhau nhưng đều không có kết quả; đồng thời, vợ chồng chị đã tự ly thân với nhau từ tháng 2/2019 đến nay và bản thân chị thì không còn tình cảm yêu thương dành cho chồng. Hội đồng xét xử thấy rằng, do khi cưới nhau anh chị đã không tìm hiểu kỹ cá tính của nhau nên khi xảy ra mâu thuẫn không giải quyết được dẫn đến tranh chấp kéo dài làm cho tình trạng hôn nhân trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Tr là phù hợp.

Đối với bị đơn anh Phạm Văn T đã bỏ địa phương đi đâu không rõ địa chỉ, Tòa án đã thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng nhưng anh T vẫn không có mặt tại Tòa án để cung cấp chứng cứ và lời khai, căn cứ điểm e khoản 1 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 có quy định: *“Trường hợp trong đơn khởi kiện, người khởi kiện đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng họ không có nơi cư trú ổn định, thường xuyên thay đổi nơi cư trú, trụ sở mà không thông báo địa chỉ mới cho cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về cư trú làm cho người khởi kiện không biết được nhằm mục đích che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ đối với người khởi kiện thì Thẩm phán không trả lại đơn khởi kiện mà xác định người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cố tình giấu địa chỉ và tiến hành thụ lý, giải quyết theo thủ tục chung”*. Do vậy, sau khi thẩm tra, xác minh cho thấy anh T vẫn còn hộ khẩu tại địa phương và Tòa án đã thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng theo Điều 180 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt anh T là đúng quy định.

[3] Về con chung: chị Tr xác định vợ chồng chị có hai người con chung tên Phạm Hồng Đ, sinh ngày 21/01/2010 và Phạm Gia L, sinh ngày 01/11/2011. Theo yêu cầu khởi kiện cũng như tại phiên tòa chị Tr có nguyện vọng được nuôi hai con. Hội đồng xét xử xét thấy từ khi vợ chồng ly thân tháng 2/2019 đến nay hai con do chị Tr trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và hai cháu vẫn phát triển bình thường về mọi mặt; đồng thời, hai con cũng có nguyện vọng muốn

sống chung với chị Tr. Nên Hội đồng xét xử giao cháu Đ, cháu L cho chị Tr được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phù hợp. Chị Tr không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[4] Tài sản chung, nợ chung: Chị Tr xác định vợ chồng chị không có tài sản chung cũng không thiếu nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Án phí ly hôn bằng 300.000đồng chị Lê Thị Huyền Tr phải nộp do có yêu cầu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 179, 180, Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 131 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận cho chị Lê Thị Huyền Tr được ly hôn với anh Phạm Văn T.

2. Về con chung: Giao hai con chung tên Phạm Hồng Đoàn, sinh ngày 21/01/2010 và Phạm Gia Lạc, sinh ngày 01/11/2011 cho chị Tr trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con nhưng anh T có quyền tới lui thăm nom chăm sóc, giáo dục con chung, không ai có quyền cản trở anh thực hiện quyền này.

Khi cần thiết anh chị có quyền làm đơn xin thay đổi quyền nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Miễn xét.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Lê Thị Huyền Tr phải chịu án phí là 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005754, ngày 24/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang. Như vậy, chị Lê Thị Huyền Tr đã nộp xong án phí.

5. Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 20/02/2020). Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Gò Quao;
- Chi cục THADS huyện Gò Quao;
- UBND xã V;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Danh Thị Kiều Oanh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Hoài Thanh